

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12-5-2021
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hồng**

Ông **Tán Nghị**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bàng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLST -HNGĐ ngày 26/01/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Phan Thế H**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Phan Thế H xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng vào năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng sống tại thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng được một thời gian, sau đó lại chuyển về thôn S, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng sống một thời gian. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp, ông H không lo tu chí làm ăn mà chỉ lo chơi bời, cờ bạc gây nợ nần, tuy đã nhiều lần khuyên bảo và tha thứ thậm chí ông H đã viết giấy cam kết nhưng đến nay ông H vẫn chứng nào tật nấy và không thay đổi, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 11/2020 cho đến nay, không ai

còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay bà T xác định không còn thương yêu ông H nữa nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Phan Thế H.

- Về con chung: Bà T và ông H có một con chung là cháu Phan Thế Xuân H, sinh ngày 17/5/2014. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Thế H: tại phiên tòa hôm nay, ông Phan Thế H tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, theo bản tự khai cũng như tại các buổi hòa giải đã xác nhận thời gian, địa điểm kết hôn cũng như lời trình bày của bà T là đúng, thừa nhận quá trình chung sống có 1 ỏi với gia đình vợ con. Tuy nhiên, ông H cho rằng vẫn còn tình cảm với vợ con nên mong muốn được đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo.

Riêng đối với trường hợp bị đơn là ông Phan Thế H đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa án theo giấy triệu tập, lần này là lần vắng mặt lần thứ 2, do vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt ông H.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Phan Thế H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Phan Thế H.

Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu: Phan Thế Xuân H, sinh ngày 17/5/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu nên không đề cập.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối

với bị đơn ông Phan Thế H, trú tại thôn Đông Lâm, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà T là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn ông Phan Thế H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông H.

Về nội dung:

[3] Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Phan Thế H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng vào ngày 29/5/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T xác định là do tính tình, quan điểm sống không hợp, ông H không lo tu chí làm ăn mà chỉ lo chơi bời, cờ bạc gây nợ nần, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai người không có tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ cuối tháng 11/2020 đến nay. Nay bà T xác định bà không còn tình cảm, thương yêu ông H, cả hai không còn ai quan tâm chăm sóc đến nhau, vì vậy bà Nguyễn Thị Kim T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Thế H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để cho ông Phan Thế H có ý kiến nhưng ông H chỉ tham gia một phiên hòa giải, ngoài ra ông H luôn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa ngày 26/4/2021 cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Phan Thế H vẫn không có mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến. Điều đó, thể hiện ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình.

Qua xác minh tại thôn A, xã H cũng như tại Công an xã H đều xác định ông H và bà T hiện nay không còn sống chung với nhau, bà T đã đưa con nhỏ về sống riêng tại nhà cha mẹ ruột ở xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy giữa bà T và ông H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Phan Thế H là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Phan Thế Xuân H, sinh ngày 17/5/2014. Từ khi vợ chồng sống riêng đến nay bà T đang nuôi dưỡng. Nay ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con.

Xét nguyện vọng của bà T thì thấy: Bà T và ông H có một con chung, khi ly hôn cả ông H và bà T đều có quyền và nghĩa vụ đối với các con. Nhưng việc giao

con cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con.

Cả ông H và bà T đều có quyền nuôi con, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông H chỉ tham gia 01 phiên hòa giải, ngoài ra tại những lần hòa giải khác cũng như tại phiên tòa ông H không có mặt, thể hiện ông H không có thiện chí, trách nhiệm và từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bà T có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi con. Bản thân cháu Phan Thế Xuân H, chưa tròn 7 tuổi. Xét thấy, để đảm bảo điều kiện về vật chất và tinh thần tốt nhất cho sự phát triển của con, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận ý kiến kiến của bà T, giao cháu Phan Thế Xuân H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên HĐXX không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị phù hợp với hướng nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Phan Thế H về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Phan Thế H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Phan Thế Xuân H, sinh ngày 17/5/2014 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Phan Thế H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại biên lai thu số 0008089 ngày 26/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Thế H vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã H, huyện H, Tp.ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN NGỌC NAM